TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 776/2021/HC-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và quyết định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Vân
2. Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 27 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 405/2020/TLST- HC ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và quyết định giải quyết khiếu nại"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1865/2021/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5323/QĐST-HC ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Thế T. (Có mặt ngày 18/5/2021, vắng mặt ngày 27/5/2021).

Địa chỉ: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Trưởng Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông Hồ Minh H – Phó trưởng Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt ngày 18/5/2021, có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 27/5/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh. (Có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 268 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Người khởi kiện ông Nguyễn Thế T: Theo các đơn khởi kiện vụ án hành chính nộp ngày 13/7/2020, ngày 24/7/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Thế T cung cấp thể hiện:

Vào 21 giờ 45 phút ngày 26/8/2019, ông T có đi xe mô tô biển số 51G1-78204 hướng từ Trường Chinh, Tân Bình về hướng Quận 12. Khi sắp tới ngã tư Tân Kỳ Tân Qúy với Trường Chinh, ông T gặp Đội Cảnh sát giao thông-Trật tự (viết tắt Đội CSGT-TT) quận T. Họ yêu cầu ông dừng xe, nghi ngờ ông sử dụng rượu bia nên thực hiện kiểm tra nồng độ cồn. Ông T chấp hành dẫn xe lên khu vực tượng đài và chào lực lượng làm nhiệm vụ.

Ông T yêu cầu được xem chuyên đề và kế hoạch kiểm tra trong ngày của Cảnh sát giao thông (viết tắt CSGT) thì sẽ chấp hành đo nồng độ cồn nhưng CSGT không cho ông xem và còn sử dụng máy quay phim ghi hình ông T. Ông T không đồng ý và phản đối về hành vi này nhưng họ vẫn thực hiện. CSGT lập biên bản cho ông T ký. Họ mất rất nhiều thời gian để lập biên bản này. Thời gian trong biên bản ghi sai sự thật. Họ dừng xe ông T lúc 21 giờ 45 phút nhưng Biên bản lại ghi là 22 giờ 15 phút. Ông T đề nghị sửa lại nhưng không được chấp nhận. Ông T đề nghị được tự ghi vào chỗ ý kiến người vi phạm nhưng CSGT cũng không cho ông ghi. Ông T đề nghị CSGT tự ghi ý kiến của ông T nhưng CSGT cũng không cho ghi do vậy ông không đồng ý ký tên vào biên bản. CSGT đã dùng mánh khóe, gọi ông T ra xa để cho các CSGT khác khiêng xe của ông T lên xe tải rồi chạy đi.

Xét thấy hành vi hành chính lập biên bản và cưỡng chế xe của ông T là trái quy định của pháp luật. Ông T đã làm đơn khiếu nại và khiếu kiện.

Nay ông T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019 về "Xử phạt vi phạm hành chính" (viết tắt là Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019), Quyết định số 2570/QĐ-CATB ngày 11/10/2019 về "Giải quyết khiếu nại" (viết tắt là Quyết định số 2570/QĐ-CATB ngày 11/10/2019) và Quyết định số 0020033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020 về "Xử phạt vi phạm hành chính" (viết tắt là Quyết định số 0020033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020) đều của Trưởng Công an quận T; đồng thời yêu cầu Trưởng Công an quận T hoàn trả lại cho ông T các khoản: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính là 3.395.000 đồng và chi phí trông giữ xe là 1.152.000 đồng.

Ông T rút lại các yêu cầu khởi kiện: xem xét và xử lý các hành vi hành chính của các đồng chí công an quận T; Buộc chính thức công khai xin lỗi ông tại Tòa án hoặc địa điểm tự chọn, hình thức bằng văn bản hoặc trực tiếp.

**Người bị kiện Trưởng Công an quận T có người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Minh H có ý kiến.*

Vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 26/08/2019, Tổ Cảnh sát giao thông, trật tự Công an quận T (gọi tắt là Tổ công tác) thực hiện kế hoạch tuần tra kiểm soát, xử lý chuyên đề vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ (viết tắt là kế hoạch, chuyên đề) đang làm nhiệm vụ, tại giao lộ Trường Chinh-Tân Kỳ, Tân Quý thuộc Phường 13, quận T đã ra hiệu lệnh yêu cầu ông Nguyễn Thế T (người điều khiển phương tiện xe mô tô biển số 51G1-78204, đang lưu thông trên đường) dừng phương tiện để kiểm soát, kiểm tra giấy tờ của người và phương tiện khi tham gia giao thông. Nội dung: yêu cầu ông T xuất trình giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (viết tắt Giấy chứng nhận BHTNDS); Chứng minh nhân dân (viết tắt CMND) hoặc giấy tờ tùy thân cho Tổ công tác làm nhiệm vụ kiểm tra và yêu cầu ông T hợp tác kiểm tra nồng độ cồn khi điều khiển phương tiện giao thông, theo quy tắc kiểm tra ngẫu nhiên, xác suất.

Quá trình làm việc mặc dù đã được yêu cầu nhiều lần nhưng ông T không chấp hành việc thực hiện các nội dung yêu cầu của Tổ công tác, có lời nói đôi co, đòi cho xem kế hoạch, chuyên đề thì ông T mới thực hiện các nội dung mà Tổ công tác yêu cầu (có video clip camera ghi nhận).

Căn cứ nội dung vi phạm hành chính của ông T, Tổ Công tác đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 4576/BB-VPHC đối với ông T về các lỗi như sau: (1) không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ theo điểm b, khoản 8, Điều 6; (2) không có Giấy phép lái xe theo điểm a, khoản 5, Điều 21; (3) không mang theo Giấy đăng ký xe theo điểm b, khoản 2, Điều 21: (4) không có Giấy chứng nhận BHTNDS theo điểm a, khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 01/8/2016 của Chính phủ "Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt" (viết tắt Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 01/8/2016 của Chính phủ); (5) Không xuất trình CMND (hoặc thẻ căn cước công dân) theo điểm a, khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ "Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự" (viết tắt Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ).

Tổ công tác tiến hành lập Biên bản số 25189/BB-TGTVPTGTCC về việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (viết tắt Biên bản số 25189/BB-TGTVPTGTCC ngày 26/8/2019) đối với xe mô tô biển số 59G1-78204 do ông Nguyễn Thế T điều khiển theo điểm c, khoản 1, Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (biên bản được lập theo thời gian thực tế diễn biến của sự việc); căn cứ biên bản tạm giữ do Tổ công tác lập, Công an quận T đã ban hành Quyết định số 3328/QĐ-TGTVPTGTCC ngày 26/8/2019 về "Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính" đối với xe mô tô biển số 59G1-78204 của ông Nguyễn

Thế T trong thời gian 07 ngày (từ 26/8/2019 đến 01/9/2019) (viết tắt Quyết định số 3328/QĐ-TGTVPTGTCC ngày 26/8/2019).

Ngày 27/8/2019, ông T có đến Công an quận T, xuất trình bổ sung Giấy đăng ký xe và CMND nhưng không xuất trình bổ sung Giấy phép lái xe. Công an quận T đã ra Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019 đối với ông T theo các lỗi trên, cụ thể: phạt tiền tổng cộng 4.850.000 đồng, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm: tạm giữ xe 07 ngày từ 26/8/2019 đến 01/9/2019.

Ngày 28/8/2019, ông T đến Công an quận T trình bày thắc mắc, khiếu nại về những nội dung lập biên bản của Tổ công tác và Quyết định xử phạt của Công an quận đối với ông, cụ thể: Khiếu nại về việc Tổ công tác không cho ông T ghi ý kiến vào biên bản vi phạm hành chính, không cho ông T xem kế hoạch, chuyên đề, tự ý ghi hình ông T khi chưa được ông T cho phép, tự ý tạm giữ phương tiện của ông T khi chưa được đồng ý; thắc mắc tại sao thời gian Tổ công tác dừng xe để kiểm tra và thời gian ghi trong Biên bản vi phạm hành chính lại không giống nhau.

Công an quận đã phân công Đội trưởng Đội CSGT-TT tiếp nhận, giải quyết, trả lời cụ thể từng nội dung mà ông T thắc mắc, khiếu nại, cụ thể:

(1) Việc ghi hình là một biện pháp công tác của lực lượng CSGT, khi đi làm chuyên đề thì cán bộ CSGT sẽ được cấp phát thiết bị kỹ thuật, trong đó có thiết bị ghi hình, ghi âm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự.

(2) Trả lời về việc ông T đòi xem kế hoạch, chuyên đề công tác kiểm tra nồng độ cồn của CSGT: Theo quy định của ngành Công an, cụ thể tại điểm b, điểm e, khoản 2, Điều 13 Thông tư số 02/2016/TT-BCA thì ông T không có thẩm quyền yêu cầu được xem kế hoạch, chuyên đề công tác của lực lượng CSGT vì "Sổ, kế hoạch công tác, nhật ký tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ phải được quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an".

(3) Tổ công tác yêu cầu ông T xuống xe, cho kiểm tra giấy tờ, phương tiện và kiểm tra nồng độ cồn đối với ông T là thực hiện theo kế hoạch chuyên đề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuy nhiên ông T không chấp hành, sau nhiều lần yêu cầu, ông T có lời nói đôi co không thực hiện, vì vậy Tổ công tác mới lập Biên bản vi phạm hành chính, thời gian lập biên bản không phải là thời gian yêu cầu ông T dừng xe cho kiểm tra giấy tờ, mà là thời gian thực, tại thời điểm lập biên bản.

(4) Việc tạm giữ tang vật, phương tiện tham gia giao thông của ông T nhằm đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông, sức khỏe cho ông T và người đang tham gia giao thông trên đường (vì ông T có dấu hiệu sử dụng rượu, bia).

(5) Việc ông T khiếu nại Tổ công tác không cho ông ghi ý kiến của mình vào biên bản vi phạm hành chính: ông T đã có hành vi vi phạm hành chính và bị Tổ công tác lập biên bản, việc không cho ông T ghi ý kiến vào biên bản không làm thay đổi bản chất và nội dung vi phạm của ông T, không liên quan đến các

lỗi vi phạm của ông T. Căn cứ theo khoản 1, khoản 2, Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì việc ghi lời khai (ý kiến) của người vi phạm do cán bộ đang thi hành công vụ thực hiện lập biên bản ghi nhận.

(6) Quan điểm của ông T về việc công dân có quyền giám sát Cảnh sát giao thông khi làm nhiệm vụ, vì vậy ông có quyền được xem kế hoạch công tác, chuyên đề công tác khi ông bị yêu cầu kiểm tra nồng độ cồn. Tuy nhiên, ông T là người tham gia giao thông, có nhiều lỗi vi phạm, lại không chấp hành yêu cầu của người đang thi hành công vụ, vì vậy ông không phải là đối tượng được kiểm tra, giám sát công tác đối với lực lượng CSGT khi làm nhiệm vụ.

Ông T đã thống nhất với các nội dung trả lời của Công an quận và đồng ý xác nhận vào biên bản làm việc.

Tuy nhiên, ngày 29/8/2019 ông T làm đơn khiếu nại gửi đến Trưởng Công an quận T. Sau khi tiếp nhận đơn, Công an quận đã thụ lý và phân công cán bộ thanh tra trực tiếp xác minh, làm việc, trả lời, giải thích thấu đáo, chi tiết các nội dung khiếu nại của ông T.

Ngày 11/10/2019, Công an quận đã ban hành Quyết định số 2570/QĐ-CATB "Về việc giải quyết khiếu nại" đối với ông T, có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/08/2019.

Ngày 01/9/2019, ông Nguyễn Thế T đã được trả lại tang vật, phương tiện (xe mô tô biển số 51G1-78204) theo Quyết định số 4576/QĐ-TLTVPTGTCC ngày 01/9/2019 của Công an quận T.

Ngày 24/10/2019, ông T tiếp tục có đơn khiếu nại gửi đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh tra Công an Thành phố đã tiếp nhận đơn của ông T và thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; tổ chức rà soát từng nội dung khiếu nại, kiểm tra, xác minh một cách khách quan; qua đó Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2570/QĐ-CATB ngày 11/10/2019 của Trưởng Công an quận T.

Ngày 16/01/2020, ông T đến liên hệ Công an quận T để bổ sung Giấy phép lái xe hạng A1 số 790034224665, Công an quận T đã tiến hành lập Biên bản số 7523/BB-TGTVPTGTCC ngày 16/01/2020 về việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính đối với giấy phép lái xe hạng A1 (viết tắt Biên bản số 7523/BB-TGTVPTGTCC ngày 16/01/2020) của ông T (lập sau khi ông T xuất trình), đồng thời ban hành Quyết định số 6108/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 16/1/2020 về việc tạm giữ tang vật, phương tiện, chứng chỉ hành nghề đối với Giấy phép lái xe hạng A1 số 790034224665 của ông T.

Công an quận T đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-SĐXPVPHC ngày 16/01/2020 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính (viết tắt Quyết định số 162/QĐ-SĐXPVPHC ngày 16/01/2020), đồng thời ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020 (thay thế Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số

0004210/QĐĐXPHC ngày 27/8/2019 trước đó) với các lỗi vi phạm của ông T, cụ thể: (1) không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ theo điểm b, khoản 8, điều 6; (2) không mang theo giấy phép lái xe theo điểm c, khoản 2, điều 21; (3) không mang theo giấy đăng ký xe theo điểm b, khoản 2, điều 21; (4) không có Giấy chứng nhận BHTNDS theo điểm a, khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 46/2016/NĐ-CP của Chính phủ; (5) không xuất trình CMND (thẻ Căn cước công dân) theo điểm a, khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng mức tiền phạt chung là 3.950.000đ (ba triệu, chín trăm, năm mươi nghìn đồng); hình thức xử phạt bổ sung: tước giấy phép lái xe 04 tháng (từ ngày 16/01/2020 đến ngày 15/5/2020).

Ngày 20/01/2020, ông T đã chấp hành việc đóng phạt đầy đủ.

Ngày 16/5/2020, Công an quận ban hành Quyết định số 4576/QĐ-TLTVPTGPCC "Về việc trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ" là Giấy phép lái xe hạng A1 số: 790034224665 cho ông Nguyễn Thế T (viết tắt Quyết định số 4576/QĐ-TLTVPTGPCC ngày 16/5/2020), việc trả lại Giấy phép lái xe đã được lập biên bản và ông T đã ký nhận.

Vụ việc đã được Công an quận T giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T đã có đơn khởi kiện vụ việc trên lên Tòa án nhân dân quận T. Trong đơn có các nội dung ông T khởi kiện sau:

Tổ công tác lập biên bản ông T đã làm việc không có chuyên đề, không cho ông T tự ghi ý kiến của mình vào biên bản hành chính nơi mà người vi phạm được ghi, tự ghi hình ảnh của ông T mặc dù ông T đã phản đối nhiều lần, có thái độ không đúng mực khi thi hành công vụ với ông T, hành vi cưỡng chế xe của ông T, trong quá trình làm việc có ghi hình làm kích động ông T có thêm hành vi sai trái.

Ông T còn yêu cầu bên bị kiện phải hoàn trả lại cho ông T các chi phí nộp phạt và chi phí trông giữ xe.

Quan điểm của Trưởng Công an quận T luôn khẳng định, hành vi vi phạm của ông T là sự thật, có pháp luật quy định cụ thể, chi tiết. Nội dung, trình tự giải quyết vụ việc của cơ quan có thẩm quyền là đúng quy định. Công an quận bảo lưu kết quả đã kết luận trong các Quyết định giải quyết khiếu nại của Công an quận. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, giải quyết vụ việc ông T đã đồng ý với quyết định xử phạt vi phạm hành chính về những lỗi vi phạm của mình; đã đóng phạt đầy đủ; ông T đã xác nhận vào tất cả các nội dung vụ việc.

Người bị kiện giữ nguyên các Quyết định đã ban hành, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt. Tòa án công bố ý kiến của Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh:*

Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm tại Quyết định về giải quyết khiếu nại (lần hai) số 26/QĐ-CATP-PX05 ngày 08/01/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Phiên tòa ngày 18/5/2021:

Ông T có ý kiến: Ông T xác định không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa và xác định yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính bị kiện và trả lại cho ông những khoản tiền đã nộp, giữ nguyên việc rút lại một số yêu cầu khởi kiện.

Trưởng Công an quận T có ông Hồ Minh H đại diện đề nghị Hội đồng xét xử cho tạm ngừng phiên tòa để ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính bị khởi kiện.

Vào ngày 21/5/2021:

Trưởng Công an quận T cung cấp bổ sung cho Tòa án Quyết định số 1447/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2021 về "Sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính", văn bản trình bày lý do nộp tài liệu chứng cứ chậm, Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Vào ngày 27/5/2021 Phiên tòa được tiếp tục.

-Ông T có gửi Đơn xin hoãn phiên tòa hành chính ngày 27/5/2021, đơn ghi ngày 24/5/2021 gửi qua đường bưu điện, Văn phòng Tòa án tiếp nhận đơn vào ngày 27/5/2021.

-Trưởng Công an quận T có ông Hồ Minh H đại diện có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố toàn bộ tài liệu chứng cứ và lời khai của các bên đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Không chấp nhận đơn xin hoãn phiên tòa ghi ngày 24/5/2021 của ông T vì không thuộc trường hợp có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời khai của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thế T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng giữa các bên đương sự; Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Thế T và Trưởng Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tranh chấp về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm giao thông đường bộ và giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Theo quy định tại Điều 39, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và điểm b khoản 4 Điều 72 Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ thì Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an về "Hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong công an nhân dân" (viết tắt là Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013) của Bộ trưởng Bộ Công an thì Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính của mình. Do vậy, người khởi kiện xác định người bị kiện là Trưởng Công an quận T là đúng quy định pháp luật.

Theo khoản 5 Điều 9 Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an thì Giám đốc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 nên Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do đã ban hành Quyết định về giải quyết khiếu nại (lần hai) số 26/QĐ-CATP-PX05 ngày 08/01/2020 đối với ông T.

Do vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1].Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 18/5/2021, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của Trưởng Công an quận T là ông Hồ Minh H đề nghị tạm ngừng phiên tòa để ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính bị kiện, căn cứ khoản 1 Điều 187 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa.

Ngày 27/5/2021, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án nhưng ông Hồ Minh H có yêu cầu được xét xử vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2.2.].Xét Đơn xin hoãn phiên tòa hành chính ghi ngày 24/5/2021 (Văn phòng Tòa án tiếp nhận đơn vào ngày 27/5/2021) của ông Nguyễn Thế T. Hội đồng xét xử nhận thấy các yêu cầu nêu trong đơn là không có cơ sở để chấp nhận vì:

-Tại phiên tòa ngày 18/5/2021 Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa và thông báo ngày mở phiên tòa là ngày 27/5/2021 sẽ tiếp tục phiên tòa. Việc này ông T biết rõ. Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5323/2021/QĐST-HC ngày 18/5/2021 đã được gửi cho ông T qua đường bưu điện vào ngày 19/5/2021.

-Trưởng Công an quận T ban hành bổ sung Quyết định số 1447/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2021 về "Sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính" và cung cấp cho Tòa án vào chiều ngày 21/5/2021 (thứ Sáu). Ngày 24/5/2021 (thứ Hai), Thư ký Tòa án đã điện thoại thông báo cho ông T đến Tòa án tiếp cận tài liệu, chứng cứ mới (việc sử dụng điện thoại để triệu tập đã được ông T đồng ý trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án), tuy nhiên ông T không đến Tòa (ông T thừa nhận trong đơn).

-Các đương sự khi tham gia xét xử đã được Tòa án phổ biến nội quy phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử khai mạc phiên tòa, các đương sự phải tuyệt đối chấp hành nội quy phiên tòa. Mọi yêu cầu ghi âm, ghi hình phiên tòa của đương sự do Hội đồng xét xử quyết định tại phiên tòa. Hơn nữa, tại phiên tòa ngày 18/5/2021, ông T cũng không nêu ra yêu cầu này.

-Thực hiện qui định về phòng chống dịch Covid 19, để hạn chế tụ tập đông người, Tòa án chỉ cho phép người được Tòa án triệu tập và người có liên quan vào phòng xử án. Việc ông T muốn đưa thêm nhiều người không liên quan vào phòng xử thì mới tham dự phiên tòa là không thể chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy các lý do và yêu cầu ông T nêu trong Đơn xin hoãn phiên tòa không thuộc trường hợp có lý do chính đáng hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng nên không có cơ sở để dời việc xét xử sang ngày khác trong khi lý do tạm ngừng phiên tòa không còn.

[2.3].Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 187 Luật Tố tụng hành chính tiếp tục xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[2.4].Ông T không dự phiên tòa, không tiếp cận tài liệu chứng cứ xem như ông T đã từ bỏ các quyền này của mình, ông T tự gánh chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) xảy ra đối với mình.

[3].Về thời hiệu khởi kiện:

Xét thấy, Trưởng Công an quận T đã ban hành Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019, Quyết định số 2570/QĐ-CATB ngày 11/10/2019 và Quyết định số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020, đến ngày 13/7/2020 ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định trên tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu hoàn trả cho ông các khoản tiền ông đã nộp là còn trong thời hiệu khởi kiện do phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4].Xét các quyết định hành chính bị khởi kiện: Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019, Quyết định số 2570/QĐ-CATB ngày 11/10/2019.

[4.1].Pháp luật quy định:

-Về quyền hạn của cán bộ thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, tại Điều 5 Thông tư 01/2016/TT-BCA ngày 04/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định:

"1.Được dừng các phương tiện đang tham gia giao thông đường bộ; kiểm soát phương tiện, giấy tờ của phương tiện; kiểm soát người và giấy tờ của người điều khiển phương tiện, giấy tờ tùy thân của người trên phương tiện đang kiểm soát, việc thực hiện các quy định về hoạt động vận tải đường bộ theo quy định pháp luật.

2. Xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

3. Được áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm cho việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; tạm giữ giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe và giấy tờ khác có liên quan đến phương tiện, người điều khiển phương tiện hoặc những người trên phương tiện khi có hành vi vi phạm pháp luật, giấy tờ liên quan đến hoạt động vận tải để bảo đảm cho việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật."

Theo quy định trên, Tổ công tác khi thực hiện kế hoạch, chuyên đề được quyền dừng phương tiện đang lưu thông để kiểm tra giấy tờ của người, phương tiện tham gia giao thông, kiểm tra nồng độ cồn, xử lý vi phạm, tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính, ghi hình, cưỡng chế người, phương tiện vi phạm có hành vi không chấp hành, cản trở, chống đối… để đảm bảo trật tự an toàn giao thông và giữ gìn kỷ cương, pháp luật. Người tham gia giao thông có nghĩa vụ thực hiện các yêu cầu của Tổ công tác khi được kiểm tra.

-Về quyền giám sát, nghĩa vụ của người tham gia giao thông.

Tại khoản 2 Điều 58 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

"Người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

a) Đăng ký xe;

b) Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới quy định tại Điều 59 của Luật này;

c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới quy định tại Điều 55 của Luật này;

d) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới."

Tại Thông tư 54/2009/TT-BCA ngày 02/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an "Quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông" quy định như sau:

"Điều 9. Những việc nhân dân giám sát, kiểm tra Công an nhân dân

1. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Bộ Công an trong công tác quản lý, đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông; tuần tra, kiểm

soát, xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông; chỉ huy, điều khiển giao thông; điều tra, xử lý tai nạn giao thông; phòng, chống các loại tội phạm hoạt động trên các phương tiện, các tuyến giao thông.

2. Việc chấp hành điều lệnh Công an nhân dân, quy trình công tác, thái độ, tư thế, tác phong, lời nói… của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân khi thi hành công vụ.

3. Việc nhân dân giám sát, kiểm tra Công an nhân dân thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2 Điều này phải khách quan, trung thực, đúng quy định của pháp luật."

"Điều 10. Các hình thức giám sát, kiểm tra

1. Thông qua hòm thư góp ý công khai đặt tại các đơn vị Cảnh sát giao thông; hòm thư phải bố trí thuận tiện để nhân dân góp ý.

2. Thông qua tiếp xúc, giải quyết trực tiếp công việc với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

3. Quan sát, phát hiện hoạt động của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân khi làm nhiệm vụ ở trụ sở, nơi làm việc hoặc trên tuyến đường hay trên các phương tiện giao thông.

4. Qua kết quả giải quyết các vụ việc, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo."…

Theo các quy định được viện dẫn, pháp luật cho phép công dân được quyền giám sát CSGT khi thi hành công vụ nhưng không quy định người đang bị kiểm tra được quyền yêu cầu CSGT đang thi hành công vụ phải xuất trình kế hoạch, chuyên đề công tác để kiểm tra mới chấp hành các yêu cầu của CSGT, không cho phép ngăn cản CSGT-TT ghi hình làm chứng cứ xử lý vụ việc, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khi thực hiện nhiệm vụ… .

Trong quá trình chấp hành yêu cầu của Tổ công tác, công dân có quyền giám sát Tổ công tác có thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ không, có vi phạm pháp luật hay không, sau đó có quyền giải trình, khiếu nại, tố cáo đến cấp có thẩm quyền nếu phát hiện sai phạm.

[4.2].Xét việc lập biên bản vi phạm hành chính số 4576/BB-VPHC ngày 26/8/2019 của Tổ công tác thuộc Đội CSGT-TT Công an quận T.

Hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 26/08/2019, Tổ công tác thực hiện kế hoạch tuần tra kiểm soát, xử lý chuyên đề tại giao lộ Trường Chinh-Tân Kỳ, Tân Quý thuộc Phường M, quận T đã ra hiệu lệnh yêu cầu ông Nguyễn Thế T (người điều khiển phương tiện xe mô tô biển số 51G1-78204, đang lưu thông trên đường) dừng phương tiện để kiểm tra Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận BHTNDS; CMND hoặc giấy tờ tùy thân, đồng thời yêu cầu ông T hợp tác kiểm tra nồng độ cồn khi điều khiển phương tiện giao thông, theo quy tắc kiểm tra ngẫu nhiên, xác suất.

Quá trình làm việc Tổ công tác đã tiến hành giải thích nhiều lần về các quy định của pháp luật và yêu cầu đo nồng độ cồn nhưng ông T không đồng ý, ông yêu cầu Tổ công tác phải cho xem kế hoạch, chuyên đề mới chấp hành. Sự việc kéo dài, đến 22 giờ 10 phút Tổ công tác tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 4576/BB-VPHC đối với ông T về các lỗi như sau: không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ, không có Giấy phép lái xe, không mang theo Giấy đăng ký xe, không có Giấy chứng nhận BHTNDS theo các điểm, khoản, Điều tương ứng được quy định tại Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 01/8/2016 của Chính phủ, không xuất trình CMND (hoặc thẻ Căn cước công dân) theo điểm a, khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Sau khi Tổ công tác lập biên bản, ông T yêu cầu được tự ghi ý kiến vào biên bản nhưng không được Tổ công tác chấp nhận. Tổ công tác đã ghi vào biên bản nội dung: *"Lý do không ký biên bản: Đương sự đòi xem chuyên đề sau đó không ký tên vào biên bản"*.

Đồng thời, Tổ công tác tiến hành lập Biên bản số 0025189/BB-TGTVPTGTCC về việc tạm giữ đối với xe mô tô biển số 59G1-78204 của ông T theo điểm c, khoản 1, Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, sau đó ông T đã ký tên, ghi họ tên vào các Biên bản trên. Quá trình xử lý vụ việc và khi lập biên bản có 2 người chứng kiến, ký tên xác nhận vào biên bản.

Như vậy, có cơ sở xác định Biên bản số 4576/BB-VPHC ngày 26/8/2019 đã lập đúng quy định của Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[4.3].Xét về hành vi vi phạm hành chính của ông T.

Theo phân tích tại mục [4.1], ông T đang là đối tượng bị Tổ công tác kiểm tra thì phải có nghĩa vụ chấp hành theo yêu cầu của Tổ công tác, hành vi yêu cầu Tổ công tác phải xuất trình kế hoạch, chuyên đề mới chấp hành, cấm Tổ công tác ghi hình, tạm giữ phương tiện vi phạm…là hành vi cản trở trái phép người thi hành công vụ, là hành vi trái pháp luật.

Việc ông T không chấp hành việc đo nồng độ cồn, không xuất trình các giấy tờ pháp luật quy định khi tham gia giao thông theo yêu cầu của Tổ công tác, đây chính là các hành vi vi phạm pháp luật hành chính. Như vậy, hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ của ông T là có thật, rõ ràng, có đầy đủ quy định pháp luật điều chỉnh.

[4.4].Từ diễn biến sự việc và phân tích trên, có cơ sở xác định Biên bản số 4576/BB-VPHC ngày 26/8/2019 do Tổ công tác lập đối với ông T là đúng người, đúng hành vi vi phạm, đúng thời gian, có đầy đủ giá trị pháp lý và phù hợp Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 01/8/2016 của Chính phủ và Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đồng thời, do ông T không chấp hành yêu cầu của Tổ công tác nên việc lập Biên bản số 25189/BB-TGTVPTGTCC ngày 26/8/2019 tạm giữ xe mô tô

biển số 59G1-78204 là cần thiết và đúng pháp luật và việc ban hành Quyết định số 3328/QĐ-TGTVPTGTCC ngày 26/8/2019 tạm giữ xe mô tô biển số 59G1-78204 của ông T trong thời gian 07 ngày (từ 26/8/2019 đến 01/9/2019) do ông T điều khiển cũng là đúng pháp luật.

[4.5].Ngày 27/8/2019, ông T có đến Công an quận T, xuất trình bổ sung Giấy đăng ký xe và CMND nhưng không xuất trình bản chính Giấy phép lái xe. Công an quận T đã ra Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019 xử phạt hành chính đối với ông T theo các lỗi đã bị lập biên bản, cụ thể: phạt tiền tổng cộng 4.850.000 (bốn triệu, tám trăm, năm mươi nghìn) đồng, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm: tạm giữ xe 07 ngày từ 26/8/2019 đến 01/9/2019.

Xét thấy, Quyết định số 4210/QĐXPHC ngày 27/8/2019 của Trưởng Công an quận T được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, đúng người vi phạm, đúng hành vi, phù hợp pháp luật.

[4.6]. Theo phân tích trên, Quyết định số 4210/QĐXPHC ngày 27/8/2019 của Trưởng Công an quận T được ban hành đúng pháp luật nên Quyết định số 2570/QĐ-CATA ngày 11/10/2019 của Trưởng Công an quận T về giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019 là có cơ sở.

Đồng thời, Quyết định về giải quyết khiếu nại (lần hai) số 26/QĐ-CATP-PX05 ngày 08/01/2020 của Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định số 2570/QĐ-CATA ngày 11/10/2019 của Trưởng Công an Quận T là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử bác yêu cầu hủy Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019 và Quyết định số 2570/QĐ-CATB ngày 11/10/2019 của ông T.

[5]. Xét Quyết định số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020, Quyết định số 162/QĐ-SĐXPVPHC ngày 16/01/2020 và Quyết định 1447/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2021 của Trưởng Công an quận T.

Ngày 16/01/2020, ông T nộp Giấy phép lái xe hạng A1 số 790034224665 cho Công an quận T.

Công an quận T đã tiến hành lập Biên bản số 7523/BB-TGTVPTGTCC ngày 16/01/2020 về việc tạm giữ Giấy phép lái xe hạng A1 của ông T, đồng thời ban hành Quyết định số 6108/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 16/1/2020 tạm giữ Giấy phép lái xe của ông T là đúng quy định.

Căn cứ khoản 8 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về " Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính", Trưởng Công an quận T đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-SĐXPVPHC ngày 16/01/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019, nội dung quyết định xác định ông T vi phạm các lỗi: không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ (điểm b, khoản 8, Điều 6); không mang theo Giấy phép lái xe

(điểm c, khoản 2, Điều 21); không mang theo Giấy đăng ký xe (điểm b, khoản 2, Điều 21); không có Giấy chứng nhận BHTNDS (điểm a, khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 01/8/2016 của Chính phủ); không xuất trình CMND (hoặc thẻ Căn cước công dân) (điểm a, khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP). Tổng mức tiền phạt chung là 3.950.000 (ba triệu, chín trăm, năm mươi nghìn) đồng; hình thức xử phạt bổ sung: tước giấy phép lái xe 04 tháng (từ ngày 16/01/2020 đến ngày 15/5/2020). Tạm giữ xe mô tô biển số 59G1-78204.

Cùng ngày 16/01/2020 Công an quận T đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính đối với việc ông T bổ sung Giấy phép lái xe nói trên và Trưởng Công an quận T ban hành Quyết định số 20033/QĐ-XPHC "Xử phạt vi phạm hành chính" ngày 16/01/2020 có nội dung xác định lỗi vi phạm, mức phạt giống Quyết định số 162/QĐ-SĐXPVPHC ngày 16/01/2020.

Xét thấy, việc ông T nộp bản chính Giấy phép lái xe cho Công an quận T là tình tiết mới nhưng không làm thay đổi sự thật và bản chất hành vi vi phạm pháp luật hành chính của ông T. Việc Trưởng Công an quận T ban hành bổ sung quyết định hành chính để xử lý đúng mức độ vi phạm pháp luật của ông T là phù hợp pháp luật và có lợi cho chính ông T.

Khi Tòa án xét xử vụ án thì Trưởng Công an quận T đã ban hành bổ sung Quyết định số 1447/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2021 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020, cụ thể quyết định này có nội dung xác định chính xác lại căn cứ ban hành quyết định và xác định Quyết định số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020 thay thế cho Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 26/8/2019 và Quyết định số 162/QĐ-SĐXPVPHC ngày 16/01/2020.

Vì Quyết định số 1447/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2021 chỉ bổ sung để hoàn chỉnh về mặt hình thức, khắc phục sai sót về kỹ thuật khi ban hành các quyết định trước đó và không làm xấu đi mức độ vi phạm của ông T, không gây bất lợi cho ông T nên quyết định này có giá trị pháp lý.

Như vậy, Quyết định số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020 (được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 1447/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2021) đã căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính ngày 26/8/2019 và Biên bản xác minh ngày 16/01/2020 (do ông T cung cấp bổ sung Giấy phép lái xe) để xử phạt ông T là đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có lý, có tình.

Vì vậy, Hội đồng xét xử bác yêu cầu hủy Quyết định số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020 của ông T.

[6]. Do yêu cầu hủy các quyết định hành chính của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không xem xét đến yêu cầu buộc Trưởng Công an quận T hoàn trả cho ông T số tiền nộp phạt vi phạm hành chính là 3.395.000 đồng và chi phí trông giữ xe là 1.152.000 đồng của ông T.

[7].Xét thấy, ông T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9].Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông T phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

-Căn cứ Luật giao thông đường bộ năm 2008;

-Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

-Căn cứ Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Căn cứ Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 01/8/2016 của Chính phủ "Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt";

-Căn cứ Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ "Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự";

-Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BCA ngày 02/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an "Quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông";

-Căn cứ Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an về "Hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong công an nhân dân".

Tuyên xử:

1.Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau của Trưởng Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

-Quyết định số 4210/QĐ-XPHC ngày 27/8/2019 về "Xử phạt vi phạm hành chính";

-Quyết định số 2570/QĐ-CATB ngày 11/10/2019 về "Giải quyết khiếu nại";

-Quyết định số 20033/QĐ-XPHC ngày 16/01/2020 về "Xử phạt vi phạm hành chính".

2.Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của ông Nguyễn Thế T về: yêu cầu xem xét và xử lý các hành vi hành chính của các đồng chí công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Buộc chính thức công khai xin lỗi ông T tại Tòa án hoặc địa điểm tự chọn, hình thức bằng văn bản hoặc trực tiếp.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Thế T phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0068134 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

4.Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận T, TP.Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Bảo Nguyên